

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 90/2024/KDTM - ST

Ngày: 20/11/2024

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Văn Thảo Linh Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Vân

Ông Trần Ngọc Hoà

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Trúc Phương - Là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phạm Tố Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2024/TLST-KDTM ngày 30 tháng 01 năm 2024 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 349/2024/QĐXX-ST ngày 14 tháng 10 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 303/2024/QĐST- KDTM ngày 04 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP H; Địa chỉ: E N, P. L, Quận Đ, Hà Nội; Đại diện pháp luật: Ông Nguyễn Hoàng L - Tổng giám đốc; Đại diện uỷ quyền: Ông Bùi Đức Q - Tổng giám đốc quản lý tín dụng; Uỷ quyền lại: Ông Nguyễn Tiến T - Giám đốc tổ tụng cấp 2 hoặc ông Đào Ngọc T1 - Giám đốc tổ tụng cấp 2 hoặc ông Lê Thành Đ - Chuyên viên tổ tụng hoặc ông Nguyễn Văn T2 - Chuyên viên tổ tụng; Cùng địa chỉ: B Đ, Quận T, TP .. Hoặc ông Nguyễn Trọng N - Chuyên viên chính; Địa chỉ: G M, TP ., Bình Định (Theo văn bản uỷ quyền số 10/2024/UQ-TGD12 ngày 02/1/2024), ông Nguyễn Tiến T có mặt.

- *Bị đơn: Công ty TNHH C2; Địa chỉ: Lô A, KCN P, P. T, TP ., tỉnh Bình Định; Đại diện pháp luật: Bà Nguyễn Thị Thái T3 - Giám đốc; Địa chỉ: 4 N, TP ., tỉnh Bình Định (vắng mặt)*

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Ca Tuấn D, SN: 1981 và bà Nguyễn Thị Thái T3, SN: 1982; Cùng địa chỉ: 4 N, Thành phố Q, tỉnh Bình Định (vắng mặt)

2. Bà Hoàng Ngọc P, sinh năm: 1978; Địa chỉ: E T, TP ., Bình Định. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/01/2024 và trong quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP H, ông Nguyễn Trọng N, ông Nguyễn Tiến T trình bày:*

Ngân hàng TMCP H (Ngân hàng) có ký hợp đồng tín dụng hạn mức số BHD.43.841.00867/2022.HĐTD ngày 23/03/2022 và các phụ lục hợp đồng kèm theo, cho công ty TNHH C2 (Công ty C2) vay 3.800.000.000đ; thời hạn duy trì hạn mức là 36 tháng kể từ ngày 21/3/2022, mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty C2 theo 04 Khế ước nhận nợ sau:

+ Khế ước nhận nợ ngày 24/3/2022 số tiền 400.000.000đ, thời hạn 06 tháng (từ 24/3/2022 – 24/9/2022), lãi suất 08%/năm.

+ Đề nghị tài trợ kiêm giấy nhận nợ ngày 28/3/2022 số tiền 1.360.085.000đ thời hạn 06 tháng (từ 28/3/2022 - 28/9/2022), lãi suất 08%/năm.

+ Đề nghị tài trợ kiêm giấy nhận nợ ngày 18/4/2022 số tiền 139.915.000đ, thời hạn 06 tháng (từ 18/4/2022 - 18/10/2022), lãi suất 08%/năm.

+ Khế ước nhận nợ ngày 30/6/2022 số tiền 1.890.000.000đ, thời hạn 06 tháng (từ 30/6/2022 - 30/12/2022), lãi suất 9,1%/năm.

Để đảm bảo cho hợp đồng tín dụng nói trên ông C Tuấn D và bà Nguyễn Thị Thái T3 đã ký hợp đồng thế chấp số 2712/2021/BĐ ngày 27/12/2021, thế chấp toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 400 tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại tổ C, KV A, phường N, TP ., tỉnh Bình định; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CY 060256, vào sổ cấp giấy chứng nhận CS03596 do Sở Tài nguyên môi trường cấp ngày 10/9/2020, cập nhật thay đổi chủ sở hữu ngày 25/11/2021 cho bà Nguyễn Thị Thái T3.

Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty C2 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán gốc và lãi cho ngân hàng mặc dù ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhắc nhở. Tính đến ngày 20/11/2024, Công ty C2 còn nợ ngân hàng tổng cộng 4.842.344.664đ (trong đó nợ gốc 3.789.915.971đ, nợ lãi trong hạn 726.081.128đ,

nợ lãi quá hạn 326.350.565đ).

Nay Ngân hàng TMCP H yêu cầu Toà giải quyết: Buộc công ty TNHH C2 phải trả cho ngân hàng TMCP H số tiền 4.842.344.664đ (trong đó nợ gốc 3.789.915.971đ, nợ lãi trong hạn 726.081.128đ, nợ lãi quá hạn 326.350.565đ) và tiền lãi phát sinh từ ngày 21/11/2024 đến khi trả hết nợ vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số BHD.43.841.00867/2022.HĐTD ngày 23/03/2022 và các phụ lục hợp đồng kèm theo. Trường hợp Công ty C2 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của ông Ca Tuấn D và bà Nguyễn Thị Thái T3 để thu hồi toàn bộ nợ vay của công ty C2.

Bị đơn Công ty TNHH C2, đại diện pháp luật bà Nguyễn Thị Thái T3 - Giám đốc: Đã được Toà tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập họp lệ nhiều lần đến Toà để khai báo, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hoà giải và tham gia phiên Toà xét xử nhưng bà T3 đều vắng mặt không có lý do

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Ca Tuấn D, bà Nguyễn Thị Thái T3: đã được Toà tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập họp lệ nhiều lần đến Toà để khai báo, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hoà giải và tham gia phiên Toà xét xử nhưng ông D, bà T3 đều vắng mặt không có lý do.

- Bà Hoàng Ngọc P trình bày: Nhà và đất tọa lạc tại tổ C, KV A, phường N, TP., Bình định theo cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CY 060256 vào sổ cấp giấy chứng nhận CS03596 do Sở Tài nguyên môi trường cấp ngày 10/9/2021 mang tên Nguyễn Thị Mỹ D1 là tài sản của bà nhưng bà nhờ chị D1 đứng tên dùm. Bà có nhu cầu bán nhà, vợ chồng D+T3 có nhu cầu mua nên vào ngày 19/11/2021 hai bên có viết giấy đặc cọc bán nhà và thỏa thuận như sau: Bà chuyển nhượng cho vợ chồng D+T3 nhà và đất trên với giá 2.470.000.000 đồng, ông D và bà T3 đã đặt cọc 470.000.000 đồng, còn lại 2 tỷ đồng (có viết giấy nợ riêng). Ngày 22/11/2021 được sự đồng ý của bà nên chị D1 cùng vợ chồng D+T3 ra công chứng ký kết hợp đồng chuyển nhượng đến ngày 25/11/2021 thì sang tên chủ sở hữu qua tên Ca T, Nguyễn Thị Thái T3. Cùng ngày (25/11/2021) vợ chồng D+T3 có ký hợp đồng ủy quyền cho bà được quyền quản lý, chuyển nhượng, đặt cọc, bán, cho thuê tài sản trên. Vợ chồng D+T3 cam kết sẽ vay tiền ngân hàng thanh toán cho bà đủ 02 tỷ đồng còn nợ, chậm nhất là tháng 01/2022, khi giao tiền thì bà sẽ giao nhà. Từ khi sang nhượng cho vợ chồng D+T3 đến nay bà vẫn quản lý nhà và đất này. Nay bà mới biết vợ chồng D+Thanh thế chấp tài sản vay tiền của ngân hàng nhưng không chịu trả cho bà.

Việc Ngân hàng khởi kiện vợ chồng D + T3 yêu cầu trả nợ cho ngân hàng, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Riêng đối với nhà và đất tọa lạc tại tổ C, KV A, phường N, TP, Bình định mà vợ chồng D + T3 đã thế chấp cho

ngân hàng, khi nào vợ chồng D + T3 trả đủ 2 tỷ đồng còn nợ cho bà theo thỏa thuận thì bà sẽ giao nhà.

+ *Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Quy Nhơn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:*

- Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng Dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Riêng bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông D, bà T3 không chấp hành việc có mặt theo triệu tập của Tòa.

+ *Về quan điểm giải quyết vụ án*

Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 292, 299, 317, 318 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Án lệ số 43/2021: Buộc Công ty TNHH C2 phải trả cho Ngân hàng TMCP H số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 20/11/2024, tổng cộng là: 4.842.344.664 đồng (trong đó nợ gốc: 3.789.915.971 đồng, nợ lãi: 726.078.128 đồng; nợ lãi quá hạn: 326.350.565 đồng). Công ty TNHH C2 còn phải tiếp tục trả lãi theo lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng hạn mức và các khế ước nhận nợ mà hai bên đã ký cho đến khi thi hành xong toàn bộ khoản vay.

Trường hợp Công ty TNHH C2 không trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của ông Ca Tuấn D, bà Nguyễn Thị Thái T3 theo Hợp đồng thế chấp số 2712/2021/BĐ ngày 27/12/2021 để thu hồi nợ.

- Án phí: Công ty TNHH C2 phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng, phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa hai tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn công ty TNHH C2 có địa chỉ trụ sở tại Lô A, KCN P, P.T, TP . nên vụ án thuộc thẩm

quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Thị Thái T3 là người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty C2; đồng thời bà T3 cùng với ông Ca Tuấn D là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được Tòa triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa khai báo. Ngày 08/4/2024 Tòa án tiến hành xác minh tại Công an phường N, TP., tỉnh Bình Định được biết: Bà T3, ông D có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ 4 N, phường N, TP., Bình Định nhưng hiện nay vắng mặt nơi cư trú không khai báo nên chính quyền địa phương không biết bà T3, ông D hiện đang ở đâu. Tòa án đã thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng, tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định nhưng tại phiên tòa hôm nay bà T3, ông D vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà T3, ông D.

[2] Về nội dung:

Ngày 23/03/2022, Công ty C2 có ký Hợp đồng tín dụng hạn mức số BHD.43.841.00867/2022.HĐTD.MSB và các phụ lục hợp đồng kèm theo để vay của Ngân hàng TMCP H 3.800.000.000đ (Ba tỷ tám trăm triệu đồng). Ngân hàng đã giải ngân cho công ty C2 theo 04 Khế ước nhận nợ ngày 24/3/2022, ngày 28/3/2022, ngày 18/4/2022 và ngày 30/6/2022 tổng cộng 3.790.000.000đ. Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty C2 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán gốc và lãi mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhắc nhở. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty C2 phải trả số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 20/11/2024 là 4.842.344.664 đồng (trong đó nợ gốc: 3.789.915.971 đồng, nợ lãi: 726.078.128 đồng; nợ lãi quá hạn: 326.350.565 đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 21/11/2024 đến khi trả hết nợ vay.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án bà T3, ông D cố tình vắng mặt không đến Tòa làm việc. Ngày 11/4/2024 Tòa án kết hợp với chính quyền địa phương đến nhà lấy lời khai nhưng bà T3, ông D không có ở nhà vì vậy Tòa lập biên bản lấy lời khai không được để làm bằng. Theo cung cấp của Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh B thì Công ty C2 không thay đổi địa chỉ kinh doanh, không thay đổi người đại diện theo pháp luật nhưng hiện nay không còn hoạt động ở tại địa chỉ đã đăng ký.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy rằng: Quá trình thực hiện hợp đồng, ngày 01/10/2022 Công ty C2 đã trả cho Ngân hàng được 84.029đ tiền gốc và trả lãi đến tháng 8/2022, sau đó Công ty C2 không thực hiện nghĩa vụ trả gốc cũng như trả lãi cho Ngân hàng mặc dù phía Ngân hàng đã nhiều lần thông báo yêu cầu trả nợ, như vậy Công ty C2 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận. Do đó, căn cứ vào Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn Công ty C2 phải có

nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 20/11/2024 là 4.842.344.664 đồng (trong đó nợ gốc: 3.789.915.971đ, nợ lãi: 726.078.128đ; nợ lãi quá hạn: 326.350.565đ) và số tiền lãi phát sinh trên tổng số dư nợ gốc tính từ ngày 21/11/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ như thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng

[5] Xử lý tài sản thế chấp: Ngày 27/12/2021 giữa ông D, bà T3 và Ngân hàng đã ký hợp đồng thế chấp số 2712/2021/BĐ, thế chấp toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 400 tờ bản đồ số 20 tọa lạc tại tổ C, KV A, phường N, TP ., Bình Định (đăng ký thế chấp ngày 27/12/2021 tại Văn phòng Đ1 chi nhánh Q1), để đảm bảo cho khoản vay của Công ty C2. Ngày 22/7/2024 Tòa án nhân dân TP . Quy Nhơn kết hợp với chính quyền địa phương đến kiểm tra xem xét tài sản thế chấp. Qua kiểm tra, xem xét, thẩm định tại chỗ thì hiện trạng nhà+đất không có gì thay đổi so với thời điểm xác lập hợp đồng thế chấp.

Xét hợp đồng thế chấp số 2712/2021/BĐ ngày 27/12/2021, các bên tham gia ký kết tự nguyện không ai bị ép buộc, hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp với quy định tại các Điều 317, 319, 320, 323 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nên hợp đồng có hiệu lực và phát sinh quyền và nghĩa vụ các bên theo quy định của pháp luật. Do đó, yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của nguyên đơn là có căn cứ được HĐXX chấp nhận.

[6] Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Ngọc P yêu cầu ông D và bà T3 phải trả cho bà 02 tỷ đồng (hai tỷ đồng) còn nợ thì bà sẽ giao nhà. HĐXX xét thấy, nhà và đất tọa lạc tại tổ C, KV A, phường N, TP ., Bình Định là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của vợ chồng ông D, bà T3. Tài sản trên được ông D, bà Thanh thế C1 để đảm bảo cho khoản vay của Công ty C2. Trường hợp Công ty C2 không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Đối với việc ông D và bà T3 có nợ bà 2 tỷ đồng, bà P có quyền khởi kiện thành một vụ án khác, HĐXX không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[7] Về án phí: Theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án thì Công ty C2 phải chịu 112.842.345 đồng án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước.

- Về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà T3, ông D đã bỏ đi khỏi nơi cư trú. Việc niêm yết công khai không đảm bảo cho người được cấp, tổng đạt, thông báo nhận được thông tin về văn bản cần được cấp, tổng đạt, thông báo. Ngày 11/6/2024 Ngân hàng có đơn đề nghị Tòa án thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng. Căn cứ vào khoản

2 Điều 180 của Bộ luật tố tụng dân sự, Ngân hàng phải chịu toàn bộ chi phí đăng thông báo.

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Công ty C2 phải chịu 5.000.000đ. Ngân hàng đã nộp tạm ứng 5.000.000đ, nên Công ty C2 có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Ngân hàng.

[8] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định phát biểu quan điểm giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 30, 35, 39, 147, 227, của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 317, 319, 320, 323 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban T4;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP H.

2. Buộc Công ty TNHH C2 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP H đến ngày 20/11/2024 tổng cộng: 4.842.344.664 đồng (trong đó nợ gốc: 3.789.915.971 đồng, nợ lãi: 726.078.128 đồng; nợ lãi quá hạn: 326.350.565 đồng).

Kể từ ngày 21/11/2024 cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

3. Trong trường hợp Công ty TNHH C2 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP H theo Hợp đồng tín dụng và các phụ lục kèm theo hợp đồng tín dụng số BHD.43.841.00867/2022.HĐTD ngày 23/03/2022, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 2712/2021/BĐ ngày 27/12/2021 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

- Trường hợp Công ty TNHH C2 thanh toán xong các khoản nợ theo hợp đồng tín dụng số BHD.43.841.00867/2022.HĐTD ngày 23/03/2022 và các phụ lục kèm theo thì Ngân hàng TMCP H phải trả lại bản chính các giấy tờ đã thế chấp theo hợp đồng thế số 2712/2021/BĐ ngày 27/12/2021 cho ông D, bà T3.

4. Về án phí: Công ty TNHH C2 phải chịu 112.842.345 đồng (Một trăm mười hai triệu, tám trăm bốn mươi hai ngàn, ba trăm bốn mươi lăm đồng) án phí KDTM sơ thẩm sung vào ngân sách nhà nước.

- Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP H 56.202.000 đồng (Năm mươi sáu triệu hai trăm lẻ hai ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí KDTM sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000473 ngày 29/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn.

- **Chi phí đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng:** Ngân hàng TMCP H phải chịu 6.000.000đồng (đã nộp xong)

- Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Công ty TNHH C2 phải chịu 5.000.000đồng. Ngân hàng TMCP H đã nộp tạm ứng 5.000.000đồng nên Công ty TNHH C2 có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Ngân hàng .

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- VKSND TP.Quy Nhơn;
- THA TP.Quy Nhơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Văn Thảo Linh Phương